

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:53/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23/11/2023.

V/v: “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hùng Định.
2. Ông Lê Như Nghi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 154/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023, về việc: “ Xin ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án số: 16/2023/TB-TA ngày 13/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh D, sinh năm 1994.

Cư trú: Thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

2. Bị đơn: Chị Phan Tú A, sinh năm 1996.

Cư trú: Khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Anh D có mặt; chị A vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/8/2023 và lời trình bày của nguyên đơn anh D tại phiên tòa:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2017 tôi có tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với chị Phan Tú A, được UBND xã A cấp giấy CNKH năm 2017. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ tôi chị A nợ tiền của người khác rất nhiều, mặc dù cha mẹ hai bên gia đình đã hỗ trợ trả nợ, tuy nhiên chị A không chí thú làm ăn và tiếp tục phát sinh nợ, từ đó mâu thuẫn gây gắt và sống ly thân từ năm cuối năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm không còn nên yêu cầu Toà án cho tôi được ly hôn với chị A.

- **Về con chung:** Có 02 con chung tên là Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/7/2017 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 05/4/2020 lâu nay do chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Nay tôi yêu cầu giao hai cháu T và B cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng, tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu, mỗi tháng 1.500.000 đồng x 2 cháu = 3.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 12/2023.

- **Về tài sản chung:** Tôi không yêu cầu toà án giải quyết.

* Bị đơn chị Phan Tú A vắng mặt nhiều lần, không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Thanh D khởi kiện chị Phan Tú A cư trú tại: Khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên về việc: “ Xin ly hôn”. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị A đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần, tuy nhiên chị A vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh D và chị Phan Tú A tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được UBND xã A cấp giấy CNKH năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, nguyên đơn anh D cho biết quá trình chung sống đến năm 2018 chị A bị nợ tiền của người khác rất nhiều, mặc dù hai bên gia đình cha mẹ đã giúp đỡ trả nợ, tuy nhiên chị A không chí thú làm ăn và tiếp tục phát sinh nợ, từ đó vợ chồng mâu thuẫn gây gắt và sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay nên yêu cầu xin ly hôn với chị A

HĐXX xét thấy: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần cho chị A, tuy nhiên chị A không chấp hành việc triệu tập của Tòa án, cho thấy chị A đã từ bỏ các quyền và nghĩa vụ của mình và không quan tâm hàn gắn tình cảm với anh D. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D và chị A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3]. Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/7/2017 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 05/4/2020 lâu nay do chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa hôm nay, anh D yêu cầu giao hai cháu T và B cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng, đồng thời tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu, mỗi tháng 1.500.000 đồng x 2 cháu = 3.000.000 đồng/ tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 12/2023.

HĐXX xét thấy các cháu T và B lâu nay do chị A trực tiếp nuôi dưỡng, tình cảm mẹ con gắn bó. Do đó để đảm bảo về tình cảm mẹ con và tâm lý, cần giao các cháu T và B cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội. Tại phiên tòa, nguyên đơn anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu, mỗi tháng 1.500.000 đồng x 2 cháu = 3.000.000 đồng/ tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 12/2023 nên HĐXX ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ-ST theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh Nguyễn Thanh D được ly hôn với chị Phan Tú A

2. Về con chung: Chị Phan Tú A được tiếp tục trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục các cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/7/2017 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 05/4/2020. Anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu, mỗi tháng 1.500.000 đồng x 2 cháu = 3.000.000 đồng/ tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 12/2023 cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp quy định tại điều 118 Luật hôn nhân và gia đình thì chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh D được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc các con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn anh D phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST và 300.000 đồng án phí DSST về phần cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số: 010524 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Anh D còn phải nộp 300.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Bình

